CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2016

Hải Phòng, tháng 10 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 – 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động Quý 3 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/7/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/7/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0200815576 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY Q.LÊ CHÂN - TP HẢI PHÒNG

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	30/09/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.171.060.751.368**	**2.349.717.807.748**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**921.014.227.355**	**1.171.668.961.521**
1. Tiền	111		377.702.672.042	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		543.311.555.313	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**552.930.000.000**	**-**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		552.930.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**159.315.257.874**	**342.126.386.294**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		19.682.727.363	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	133.816.536.067	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		5.815.994.444	10.060.481.613
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**526.067.876.947**	**817.444.017.882**
1. Hàng tồn kho	141		527.655.556.330	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.587.679.383)	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**11.733.389.192**	**18.478.442.051**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126.818.181	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.606.571.011	18.238.442.051
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.076.930.614.150**	**588.160.958.435**
I. Tài sản cố định	**220**		**9.978.712.380**	**11.216.340.040**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.978.712.380	11.216.340.040
- Nguyên giá	*222*		*13.473.079.215*	*13.267.480.800*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(3.494.366.835)*	*(2.051.140.760)*
II. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6**	**1.066.921.573.347**	**576.886.985.528**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		786.921.573.347	576.886.985.528
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		280.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**30.328.423**	**57.632.867**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		30.328.423	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.247.991.365.518**	**2.937.878.766.183**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**101.521.137.001**	**176.709.618.575**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**101.521.137.001**	**176.709.618.575**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.975.577.915	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	38.792.791.547	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		3.289.496.328	2.655.549.857
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	613.636.373
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	47.081.897.000	47.246.460.550
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		964.670.929	1.526.779.294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.416.703.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.146.470.228.517**	**2.761.169.147.608**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**3.146.470.228.517**	**2.761.169.147.608**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	12	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.747.440.630.000*	*2.330.904.280.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12	139.290.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	12	19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	12	280.967.264.137	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*170.915.040.361*	*25.784.634.753*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*110.052.223.776*	*259.010.202.770*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.281.001.901	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.247.991.365.518**	**2.937.878.766.183**

Bùi Thị Minh Nguyệt	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Vũ Văn Cảnh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		9 tháng đầu năm	
			Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**298.209.261.821**	**751.412.117.839**	**1.248.403.989.083**	**2.797.060.735.273**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.839.090.909	863.636.364	3.116.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**	15	**298.209.261.821**	**749.573.026.930**	**1.247.540.352.719**	**2.793.944.371.637**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	281.871.402.781	662.984.048.926	1.165.406.227.366	2.469.397.815.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	**20**		**16.337.859.040**	**86.588.978.004**	**82.134.125.353**	**324.546.556.009**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	15.871.945.262	3.814.417.929	44.422.968.677	17.835.713.273
7. Chi phí tài chính	22	18	15.858.000	1.744.721.724	713.940.540	17.778.136.744
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*1.741.622.624*	*487.500.000*	*7.395.800.400*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		479.651.332	402.071.710	(619.436.347)	1.586.240.175
9. Chi phí bán hàng	25		1.125.519.939	1.214.475.834	3.427.839.914	(2.095.207.814)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.349.214.416	1.954.705.103	4.980.813.561	11.001.395.782
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**30.198.863.279**	**85.891.564.982**	**116.815.063.668**	**317.284.184.745**
12. Thu nhập khác	31		1.613.859.358	1.056.731.818	2.846.453.635	125.174.298.998
13. Chi phí khác	32		-	1.357.348.093	917.239.694	1.357.756.093
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.613.859.358**	**(300.616.275)**	**1.929.213.941**	**123.816.542.905**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**31.812.722.637**	**85.590.948.707**	**118.744.277.609**	**441.100.727.650**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.353.097.109	4.411.525.359	8.689.649.170	24.168.045.335
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		**28.459.625.528**	**81.179.423.348**	**110.054.628.439**	**416.932.682.315**
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70		28.444.835.833	81.157.377.597	110.052.223.776	416.772.540.204
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71		14.789.695	22.045.751	2.404.663	160.142.111
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	104	697	416	4.010

M.S.D.N: 0200815578 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Q.LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG

Bùi Thị Minh Nguyệt	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Vũ Văn Cảnh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*118.744.277.609*	*441.100.727.650*
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.443.226.075	(118.484.665.973)
Các khoản dự phòng	03	(290.892.799)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	2.661.393.595
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.120.139.853)	(17.040.790.267)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	7.395.800.400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*103.263.971.032*	*315.632.465.405*
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	195.186.451.986	23.161.061.502
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	291.104.925.369	(121.191.875.025)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.534.744.456	(684.895.779.383)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	140.486.263	167.575.661
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(7.395.800.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.226.330.488)	(33.022.795.852)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	7.608.493.449
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(246.085.952)	(356.664.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*581.270.662.666*	*(500.293.318.643)*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(598.305.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.653.705.000.000)	(755.749.369.954)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	820.775.000.000	1.257.588.461.462
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(40.660.652.614)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	156.239.663.640
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.171.111.314	16.056.640.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(1.029.758.888.686)*	*633.933.169.148*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	-
2.Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3.Tiền thu từ đi vay	33	-	730.689.863.960
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(655.918.891.980)
5.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(84.000.000)	(164.283.931.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*197.833.491.854*	*(89.512.959.020)*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(250.654.734.166)**	**44.126.891.485**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.171.668.961.521**	**506.580.539.574**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(16.838.219)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**921.014.227.355**	**550.690.592.840**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016

Bùi Thị Minh Nguyệt	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Vũ Văn Cảnh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Tại ngày 30/09/2016, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 04, từ ngày 11/03/2015, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi với cổ phiếu Công ty Cổ phần phát triển Hoàng Giang, do đó Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2015 là từ ngày 11/3/2015 đến ngày 30/09/2015 (báo cáo quý III).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao *(tiếp theo)*

	Số năm khấu hao
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014 ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch
tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật".

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền	377,702,672,042	76,982,486,089
Các khoản tương đương tiền (*)	543,311,555,313	1,094,686,475,432
Cộng	**921,014,227,355**	**1,171,668,961,521**

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	***552.930.000.000***	***552.930.000.000***	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	552.930.000.000	552.930.000.000	-	-
Dài hạn	***280.000.000.000***	***280.000.000.000***	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	280.000.000.000	280.000.000.000	-	
Cộng	**832.930.000.000**	**832.930.000.000**	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Tại 01/01/2016	**576.886.985.528**
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208.000.000.000
Ảnh hưởng theo phương pháp vốn chủ	2.654.024.766
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết	(619.436.347)
Tại 30/09/2016	**786.921.573.347**

Công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	288.000.000.000	289.030.971.151	80.000.000.000	80.381.957.042
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	101.871.422.910	100.000.000.000	101.566.376.103
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	262.522.400.000	260.030.304.739	262.522.400.000	259.138.652.383
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.988.874.547	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	**786.322.400.000**	**786.921.573.347**	**578.322.400.000**	**576.886.985.528**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Ngắn hạn	*68.901,00*	*133.816.536.067*	*6.661.961,00*	*307.161.484.589*
Dongfeng Moto Co.,Ltd	68.901,00	1.537.809.769	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	9.474.000.000	-	156.651.825.250
Công ty CP Ô tô Công Nghệ Mới	-	120.180.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	2.624.726.298	-	525.000.000
Cộng	**68.901,00**	**133.816.536.067**	**6.661.961,00**	**307.161.484.589**

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	322.623.824.053	-	83.140.939.825	-
Thành phẩm	22.496.093.092	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	182.101.072.985	1.587.679.383	290.311.592.491	1.316.463.817
Hàng gửi bán	-	-	404.710.842.965	-
Cộng	**527.655.556.330**	**1.587.679.383**	**818.760.481.699**	**1.316.463.817**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	**12.924.264.002**	**343.216.798**	**13.267.480.800**
Mua trong kỳ	205.598.415	-	205.598.415
Tại 30/09/2016	**13.129.862.417**	**343.216.798**	**13.473.079.215**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2016	**1.807.837.039**	**243.303.721**	**2.051.140.760**
Khấu hao trong kỳ	1.429.276.075	13.950.000	1.443.226.075
Tại 30/09/2016	**3.237.113.114**	**257.253.721**	**3.494.366.835**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	**11.116.426.963**	**99.913.077**	**11.216.340.040**
Tại 30/09/2016	**9.892.749.303**	**85.963.077**	**9.978.712.380**

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	***38.792.791.547***	***39.533.239.219***
Các đại lý	36.409.791.547	37.642.589.219
Khách hàng lẻ	2.383.000.000	1.890.650.000
Cộng	**38.792.791.547**	**39.533.239.219**

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	***47.081.897.000***	***47.246.460.550***
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.877.000	172.440.550
Cộng	**47.081.897.000**	**47.246.460.550**

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09a-DN**
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015	**573.642.410.000**	**14.116.236.000**	**-**	**12.780.251.000**	**146.969.868.807**	**747.508.765.807**
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền					(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(2.000.000)	(581.781.457)
Tại 01/01/2016	**2.330.904.280.000**	**124.532.011.543**	**-**	**19.572.915.034**	**284.794.837.523**	**2.759.804.044.100**
Tăng vốn trong kỳ (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	110.052.223.776	110.052.223.776
Tăng, (giảm) Cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Ảnh hưởng ghi nhận theo PP vốn chủ	-	-	-	-	2.654.024.166	2.654.024.166
Tăng khác	-	-	-	-	2.528.672	2.528.672
Giảm khác	-	(241.085.952)	-	-	-	(241.085.952)
Tại 30/09/2016	**2.747.440.630.000**	**139.290.925.591**	**(42.082.508.146)**	**19.572.915.034**	**280.967.264.137**	**3.145.189.226.616**

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:
- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỉ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

Đến ngày 30/09/2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 41.653.635 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 416.536.350.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 2.330.904.280.000 đồng lên thành 2.747.440.630.000 đồng).

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 30/09/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 2.747.440.630.000 đồng, danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/9/2016 như sau:

	Giá trị cổ phần sở hữu tại 30/09/2016		Giá trị cổ phần sở hữu tại 01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,004,889,540,000	36.58	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	4,800,000,000	0.17	522,201,510,000	22.40
Ông Đỗ Hữu Hậu	0	-	223,128,670,000	9.57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	120,175,660,000	4.37	254,295,410,000	10.91
Cổ đông khác	1,617,575,430,000	58.88	1,331,278,690,000	57.11
Cộng	**2,747,440,630,000**	**100**	**2,330,904,280,000**	**100**

Cổ phiếu

	30/09/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**274.744.063**	**233.090.428**
+ Cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
Số lượng cổ phiếu lưu hành	**274.744.063**	**233.090.428**
+ Cổ phiếu phổ thông	269.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu quỹ	5.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngoại tệ (USD)	319.203,69	1.583,07

14. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	**546.044.952.733**	**227.543.581.795**	**473.951.818.191**	**1.247.540.352.719**
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	545.993.281.825	227.543.581.795	473.951.818.191	1.247.488.681.811
- Doanh thu khác	51.670.908	-	-	51.670.908
2. Giá vốn	**495.029.835.149**	**217.674.914.015**	**452.701.478.202**	**1.165.406.227.366**
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	494.715.655.155	217.674.914.015	452.701.478.202	1.165.092.047.372
- Giá vốn hoạt động khác	314.179.994	-	-	314.179.994
3. Lợi nhuận gộp	**51.015.117.584**	**9.868.667.780**	**21.250.339.989**	**82.134.125.353**
- Bán hàng hóa, thành phẩm	51.277.626.670	9.868.667.780	21.250.339.989	82.396.634.439
- Hoạt động khác	(262.509.086)	-	-	(262.509.086)
4. Lợi nhuận trước thuế	**51.300.706.821**	**21.379.652.401**	**44.531.799.350**	**117.212.158.573**
- Bán hàng hóa, thành phẩm	51.563.215.907	21.379.652.401	44.531.799.350	117.474.667.658
- Hoạt động khác	(262.509.086)	-	-	(262.509.086)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III		9 tháng đầu năm	
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	***298.209.261.821***	***751.412.117.839***	***1.248.403.989.083***	***2.797.060.735.273***
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	298.190.000.003	751.105.257.839	1.248.352.318.175	2.796.067.522.633
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.261.818	306.860.000	51.670.908	993.212.640
Các khoản giảm trừ	-	***1.839.090.909***	***863.636.364***	-
Doanh thu thuần	**298.209.261.821**	**749.573.026.930**	**1.247.540.352.719**	**2.797.060.735.273**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09a-DN**
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III		9 tháng đầu năm	
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	281.858.528.681	662.733.570.503	1.165.092.047.372	2.468.627.794.192
Giá vốn cung cấp dịch	12.874.100	250.478.423	42.964.428	770.021.436
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	271.215.566	-
Cộng	**281.871.402.781**	**662.984.048.926**	**1.165.406.227.366**	**2.469.397.815.628**

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lãi tiền gửi	44.225.338.827	17.120.162.255
Lãi chênh lệch tỷ giá	197.629.850	715.551.018
Cộng	**44.422.968.677**	**17.835.713.273**

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lãi tiền vay	487.500.000	7.395.800.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá	226.440.540	10.382.336.344
Cộng	**713.940.540**	**17.778.136.744**

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong kỳ, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 Số lượng cổ phiếu	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015 (Đã trình bày lại) Số lượng cổ phiếu	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 Số lượng cổ phiếu	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 (Đã trình bày lại) Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	274.744.063	110.995.557	233.090.428	57.364.241
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng CP	-	5.549.778	11.653.635	10.413.895
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng trong kỳ	-	-	20.111.111	36.187.333
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành	**274.744.063**	**116.545.335**	**264.855.174**	**103.965.469**

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	28.459.625.528	81.179.423.348	110.054.628.439	416.932.682.315
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	28.459.625.528	81.179.423.348	110.054.628.439	416.932.682.315
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	274.744.063	116.545.335	264.855.174	103.965.469
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**104**	**697**	**416**	**4.010**

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý III		9 tháng đầu năm	
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	282.022.760.753	659.719.414.741	1.165.363.262.938	2.469.397.815.628
Chi phí nhân công	788.220.200	969.760.000	2.750.880.200	2.313.300.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	482.726.751	388.576.932	1.443.226.075	673.040.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.052.429.432	5.075.478.190	4.611.563.085	5.919.847.439
Hoàn nhập dự phòng	-	-	(354.051.457)	-
Cộng	**284.346.137.136**	**666.153.229.863**	**1.173.814.880.841**	**2.478.304.003.596**

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	921.014.227.355	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.498.721.807	34.964.901.705
Đầu tư tài chính ngắn hạn	552.930.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.066.921.573.347	576.886.985.528
Cộng	**2.566.364.522.509**	**1.783.520.848.754**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	50.057.474.915	48.958.710.550
Chi phí phải trả	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	964.670.929	1.526.779.294
Cộng	**51.022.145.844**	**126.099.126.217**

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/09/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	921.014.227.355	-	921.014.227.355
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.498.721.807	-	25.498.721.807
Đầu tư tài chính ngắn hạn	552.930.000.000	-	552.930.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.066.921.573.347	1.066.921.573.347
Tài sản tài chính khác	133.816.536.067	-	133.816.536.067
Cộng	**1.499.442.949.162**	**1.066.921.573.347**	**2.566.364.522.509**
Tại 30/09/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.057.474.915	-	50.057.474.915
Công nợ tài chính khác	964.670.929	-	964.670.929
Cộng	**51.022.145.844**	**-**	**51.022.145.844**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.448.420.803.318**	**1.066.921.573.347**	**2.515.342.376.665**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09a-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.171.668.961.521	-	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.964.901.705	-	34.964.901.705
Đầu tư tài chính dài hạn	-	576.886.985.528	576.886.985.528
Cộng	**1.206.633.863.226**	**576.886.985.528**	**1.783.520.848.754**
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	48.958.710.550	-	48.958.710.550
Chi phí phải trả	613.636.373	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	1.526.779.294	-	1.526.779.294
Cộng	**126.099.126.217**	**-**	**126.099.126.217**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.080.534.737.009**	**576.886.985.528**	**1.657.421.722.537**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	
Mua hàng hóa, dịch vụ	177.252.900.000
Thanh toán tiền hàng	119.420.074.750
Nhận lại tiền ứng trước	90.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	
Nhận ứng trước tiền hàng	100.000.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	12.757.500.000
Thu tiền hàng hóa	11.907.500.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	
Góp vốn	208.000.000.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	3.965.000.000
Nhận tiền hàng	3.965.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B 09a-DN**
Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	9.474.000.000	156.651.825.250
Phải trả do mua hàng hóa dịch vụ	655.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do nhận ứng trước tiền hàng	100.000.000	100.000.000
Phải thu do bán hàng hóa dịch vụ	750.000.000	-

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015.

25. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 3 NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Từ cuối năm 2015 tới nay, tình hình thị trường kinh doanh ô tô tải nói chung có sự chững lại sau quá trình tăng trưởng mạnh của thời kỳ trước. Do vậy, doanh thu hợp nhất của công ty quý 3 đạt 298.209.261.821 đồng, giảm 76,1% so với quý 3 năm 2015.

Đây chính là lý do dẫn tới có sự chênh lệch (giảm trên 10%) lợi nhuận hợp nhất quý 3 năm 2016 so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hợp nhất quý 3 năm 2016 đạt 28.459.625.528 đồng, giảm 74,2% so với quý 3 năm 2015.

Tuy nhiên, lợi nhuận hợp nhất quý 3 năm 2016 của công ty đã có sự tăng trưởng trở lại so với quý 2 năm 2016.

Bùi Thị Minh Nguyệt	**Hồ Thị Xuân Hòa**	**Vũ Văn Cảnh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 20 tháng 10 năm 2016